

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21 /2024/HNGĐ-ST

Ngày 11- 04- 2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Xuân Trường và bà Trần Thế Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên tòa:

Ông Lương Huy Khánh- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 11/2024/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Kim L, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 02, thị trấn Y B, huyện Y B, tỉnh Y B; có mặt;

- Bị đơn: Anh Lê Quý T, sinh năm 1973; ĐKKHTT: Thôn H, xã Đ, huyện Y B, tỉnh Y B; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 25, Phân trại 2, trại giam Hồng Ca, Bộ Công an, địa chỉ: Xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đến Tòa án ngày 16- 01-2024 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là Chị Phạm Kim L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và Anh Lê Quý T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 4 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y B, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn. Đầu năm

2016, Anh Lê Quý T bị xử phạt 10 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn Anh Lê Quý T.

- Về con chung: Tôi và Anh Lê Quý T không có con chung..

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Bản tự khai đến Tòa án ngày 28 tháng 03 năm 2024 (có xác nhận của Trại giam Hồng Ca), Anh Lê Quý T trình bày: Năm 2016, tôi bị bắt về tội danh “Mua bán trái phép chất ma túy” do đó vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn cho đến ngày hôm nay tôi đồng ý ly hôn chị L. Chúng tôi không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Chị Phạm Kim L vẫn giữ nguyên nội dung ý kiến nêu trên.

**Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được bảo đảm đúng quy định của pháp luật, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 và các điều 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử cho Chị Phạm Kim L được ly hôn Anh Lê Quý T; Chị Phạm Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự và phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Quý T có hộ khẩu thường trú tại thôn Hương Lý, xã Đại Đồng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của Chị Phạm Kim L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

Anh Lê Quý T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt Anh Lê Quý T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Kim L và Anh Lê Quý T tự nguyện

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Đại Đồng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên, phân tích để Chị Phạm Kim L về đoàn tụ với Anh Lê Quý T, nhưng Chị Phạm Kim L kiên quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không có; Anh Lê Quý T cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn và đồng ý ly hôn chị L. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của Chị Phạm Kim L là có căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên cần chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị Phạm Kim L và Anh Lê Quý T đều xác định không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị Phạm Kim L và Anh Lê Quý T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế, khách quan của các đương sự nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Phạm Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; các điều 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Kim L được ly hôn Anh Lê Quý T.

2. Về án phí: Chị Phạm Kim L phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0001236 ngày 16- 01- 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phạm Kim L có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Quý T vắng mặt được quyền kháng

cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- *Tòa án tỉnh;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Đ.*
- *VKS huyện Yên Bình;*
- *Chi cục THADS huyện Yên Bình;*
- *Lưu HS, TA.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đỗ Thị Thanh

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh

